

# SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT ON THE BASIS OF PROMOTING THE ENDOGENOUS STRENGTH OF ETHNIC MINORITY CULTURE

Giang Khắc Bình

Vietnam Academy for Ethnic Minorities  
Email: [binhgk@hvdt.edu.vn](mailto:binhgk@hvdt.edu.vn)

Received: 03/10/2021  
Reviewed: 16/10/2021  
Revised: 27/10/2021  
Accepted: 19/11/2021  
Released: 30/11/2021

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/612>

In the process of national development, our Party always attaches importance to cultural development, exploiting the values and potentials of culture to serve the cause of national construction and development. One of the important goals set by our Party is to build a comprehensively developed Vietnamese culture and people, aiming for truth - goodness - beauty, imbued with the national spirit of the nation, humanity, democracy and science; building culture into a solid spiritual foundation of society, to be an important endogenous strength to ensure sustainable development and firmly defend the Fatherland for the sake of a rich people, a strong country, a democratic, fair and civilized society.

Resolution No. 88/2019/QH14 dated November 18th, 2019 of the National Assembly approving the master plan for socio-economic development in ethnic minority and mountainous areas for the period of 2021-2030 has emphasized: “Socio-economic development policies in ethnic minority and mountainous areas must be comprehensive, aiming at sustainable development and promoting the advantages and potentials of the region and the self-reliance of the ethnic minorities” (Quoc hoi, 2019). “Advantages and potentials” here are not only natural resources and minerals, but above all cultural resources and human resources, which are the great endogenous strength of ethnic minority culture that up to now has not yet been effectively exploited.

**Keywords:** *Endogenous resources; Sustainable development; Ethnic minority culture; Ethnic minority and mountainous areas; Socio-economic development.*

## 1. Đặt vấn đề

Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng con người gắn với xây dựng văn hóa làm nền tảng tinh thần, trong đó con người là chủ thể sáng tạo văn hóa và thụ hưởng các giá trị, sản phẩm văn hóa; chú trọng xây dựng con người Việt Nam đẹp về nhân cách, đạo đức, tâm hồn; cao về trí tuệ, năng lực, kỹ năng sáng tạo; khỏe về thể chất; nâng cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật. Đại hội XII cũng đề cao nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa; chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp

thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đây là vấn đề cơ bản, trọng tâm, cốt lõi để phát triển văn hóa - nguồn lực nội sinh nhằm xây dựng và phát triển bền vững đất nước.

Tuy nhiên, để có thể tận dụng được nguồn lực văn hóa, nguồn lực nội sinh của đồng bào các dân tộc thiểu số (DTTS) để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS cần nhận diện, đánh giá tổng quát về sức mạnh, tiềm năng của nguồn lực đó, trên cơ sở đó đề ra những chiến lược, giải pháp nhằm phát huy những giá trị sao cho hiệu quả.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Trong suốt quá trình lịch sử lãnh đạo nhân dân

cả nước giành độc lập, chống các thế lực ngoại xâm và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đảng ta luôn coi trọng sức mạnh, giá trị của văn hóa dân tộc. “Đề cương văn hoá Việt Nam” (1943) là văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hoá, văn nghệ, phân tích đúng đắn tình hình đời sống văn hoá dưới sự thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, vạch ra đường lối văn hoá cách mạng và những nhiệm vụ trước mắt, tiến tới xây dựng nền văn hoá dân tộc, nhân dân.

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) trở đi, các văn kiện của Đảng luôn dành cho văn hóa một vị trí quan trọng và luôn có những tư tưởng mới bổ sung để làm giàu thêm nhận thức về một lĩnh vực nóng của xã hội. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII khẳng định: “Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Văn hóa là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực của phát triển kinh tế. Các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỹ thuật...”. Không chỉ chú trọng mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, văn hóa và đời sống xã hội, các văn kiện, nghị quyết qua các kỳ đại hội, hội nghị Trung ương... đều cho thấy sự quan tâm sâu sắc của Đảng đối với việc khai thác các giá trị tiềm năng của văn hóa để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014) về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước nhấn mạnh: “Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đại hội XII cũng đề cao nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa; chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đây là vấn đề cơ bản, trọng tâm, cốt lõi để phát triển văn hóa - nguồn lực nội sinh nhằm xây dựng và phát triển bền vững đất nước. Trong quan điểm chỉ đạo, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định rõ: “... gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”.

Để có thể triển khai hiệu quả, đưa các nghị quyết của Đảng vào thực tiễn, nhiều bài báo, nhiều công trình nghiên cứu đã đi sâu tìm hiểu về các giá trị, sức mạnh nội sinh của văn hóa, trong đó có văn hóa các DTTS.

Trong công trình “Ảnh hưởng của phong tục tập

quán của đồng bào dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc đến hiệu quả xây dựng Nông thôn mới” (Trung, 2017), các tác giả đã miêu tả khá rõ đặc điểm phong tục, tập quán các DTTS khu vực miền núi phía Bắc cùng những tác động, ảnh hưởng của chúng đến hiệu quả xây dựng nông thôn mới. Những cứ liệu cùng những luận điểm khoa học được trình bày trong báo cáo của đề tài là những căn cứ xác đáng để xác lập mối quan hệ giữa văn hóa các DTTS với sự nghiệp xây dựng và phát triển vùng DTTS nói riêng và sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước nói chung.

Trong bài báo “Bản sắc văn hoá vùng dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam thời kỳ hội nhập” (Giao & Anh, 2018), các tác giả đã phân tích mối liên hệ giữa bản sắc văn hóa DTTS với việc phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam. Từ đó, rút ra những kinh nghiệm trong thực tiễn, đặc biệt trong giai đoạn hội nhập kinh tế toàn cầu của Việt Nam.

Trong bài “Chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa tại Việt Nam” (Hoa, 2020), tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng nền công nghiệp văn hóa trên cơ sở khai thác các giá trị truyền thống và đương đại.

Cũng bàn về vấn đề phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam, trong bài viết “Phát triển du lịch văn hóa thành ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam” (Bon, 2020), tác giả khẳng định tầm quan trọng của việc thúc đẩy, phát triển du lịch văn hóa trở thành một yếu tố trong công nghiệp văn hóa: “Việc phát triển ngành công nghiệp du lịch văn hóa sẽ mang lại nhiều hiệu quả về kinh tế, chính trị và văn hóa cho đất nước ta hiện nay cũng như lâu dài thông qua việc kết nối và thúc đẩy sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa khác”.

Trong bài “Phát huy lợi thế, tiềm năng của đồng bào dân tộc thiểu số” (HP, 2021), tác giả nêu một số giải pháp cụ thể nhằm triển khai các nghị quyết của Đảng về phát huy lợi thế, tiềm năng của vùng và tinh thần tự lực của đồng bào các DTTS.

Đặc biệt, bàn về việc khai thông các nguồn lực văn hóa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, trong bài báo “Vai trò của nguồn lực văn hóa với quá trình phát triển kinh tế - xã hội” (Thien, 2021), Nguyễn Trọng Chuẩn cho rằng: “văn hóa có vai trò vô cùng quan trọng với quá trình phát triển... khai thông nguồn lực văn hóa, phát huy các giá trị văn hóa là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh mới hiện nay, góp phần thúc đẩy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng”.

Điềm qua một số bài viết cho thấy vấn đề phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, phát huy sức mạnh nội sinh của các dân tộc vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước đang được rất nhiều các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu quan tâm. Các bài viết

từ góc độ quản lý thường tập trung vào phân tích quan điểm và cách thức chỉ đạo, điều hành. Các bài viết từ góc nhìn khoa học tập trung đi sâu phân tích nội hàm khái niệm, từ đó đưa ra những chỉ dẫn về việc khai thác, phát huy nguồn sức mạnh nội sinh của các dân tộc. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào nhận diện một cách đầy đủ về khái niệm này, từ đó đề xuất những giải pháp mang tính tổng thể để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội và nguồn lực nội sinh của công cuộc phát triển.

Kế thừa các nghiên cứu về văn hóa DTTS, bài viết muốn khái lược sức mạnh văn hóa, sức mạnh nội sinh của các DTTS, từ đó đề xuất một số giải pháp cơ bản, cấp thiết để có thể phát huy tối đa nguồn lực bất tận này trong nâng cao hiệu quả công tác dân tộc, chính sách dân tộc, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích, tổng hợp các tài liệu thứ cấp, cụ thể là các công trình nghiên cứu về văn hóa các DTTS Việt Nam, bài viết nhận diện khái niệm và đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực văn hóa của đồng bào các DTTS trong thực tiễn công tác dân tộc.

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### 4.1. Nhận diện sức mạnh nội sinh của văn hóa các dân tộc thiểu số

Văn hóa là một khái niệm rất rộng. Có nhà nghiên cứu đã thống kê, có hơn 500 khái niệm khác nhau về văn hóa, song không có khái niệm nào bao chứa được hết nội hàm ý nghĩa của văn hóa. Mặc dù vậy, các khái niệm về văn hóa vẫn có điểm chung thống nhất: văn hóa được hiểu là tất cả những gì con người có và sáng tạo ra nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần và vật chất của mình, đồng thời thích ứng với thiên nhiên và xã hội. Văn hóa thuộc về con người, nói đến văn hóa là nói đến con người. Nói đến sức mạnh nội sinh của các DTTS là nói đến sức mạnh của một cộng đồng. Đó không phải là phép cộng giản đơn giữa những cá nhân hay những cộng đồng riêng lẻ mà là sức mạnh tổng hòa, xuyên thấu của các nền văn hóa, các cộng đồng nhỏ hợp thành một cộng đồng lớn mà bản thân nó lại nằm trong một cộng đồng lớn hơn – cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Tựu chung lại, để nhận diện sức mạnh nội sinh của văn hóa DTTS phải dựa trên sức mạnh nội sinh của con người trong hai mối quan hệ chủ yếu:

- Con người trong mối quan hệ với xã hội mà tâm điểm là trong các mối quan hệ cộng đồng, từ cộng đồng nhỏ là một thôn/bản/buôn/sóc... cho đến cộng đồng lớn là một thành phần dân tộc, một quốc gia. Sở dĩ chúng tôi nhấn mạnh mối quan hệ với cộng đồng bởi đây là yếu tố vô cùng đặc sắc, lý giải tường minh cho hầu hết mọi phẩm chất, cá tính của

đồng bào các DTTS nói riêng và cộng đồng các dân tộc Việt Nam nói chung.

- Con người trong mối quan hệ với tự nhiên lại thể hiện nhân sinh quan và thế giới quan mang đậm chất nhân văn của đồng bào các DTTS. Cách con người ứng xử với thế giới tự nhiên, bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo vệ nguồn nước... là cơ sở để xây dựng một xã hội phát triển bền vững theo tinh thần “Bảo cáo Brundtland” của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED) của Liên hợp quốc năm 1987: “Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng các nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn thương đến khả năng của các thế hệ tương lai đáp ứng các nhu cầu của họ”.

Khoảng 50 - 70 năm trước, đồng bào các DTTS thường sinh sống trong các địa giới riêng biệt, ít có sự pha trộn giữa các thành phần dân tộc. Khi đó, ý niệm về các cộng đồng tộc người (ethnic) hay cộng đồng quốc gia – dân tộc (nation) có thể còn chưa được quan tâm nhiều. Mối liên hệ gắn kết chủ yếu giữa con người với con người, giữa cá nhân với tập thể chủ yếu thông qua cộng đồng thôn/bản/buôn/sóc. Đó cũng là nơi tạo dựng thiết chế văn hóa điển hình với những già làng, trưởng bản, các chức sắc, chức việc trông coi, sắp đặt, ra những quyết định quan trọng, ảnh hưởng đến cuộc sống của cả cộng đồng. Thay cho “luật” (của Nhà nước) là những “tục” (luật tục), “lệ” (lệ làng) mà cả cộng đồng phải tuân thủ. Con người sống dựa vào cộng đồng, tình nguyện tuân theo các luật tục, quy ước... do cộng đồng quy định. Trong bối cảnh phải đương đầu với thiên nhiên khắc nghiệt và hung dữ, lại thường xuyên phải đối mặt với các thế lực bên ngoài (tranh chấp đất đai, tranh chấp thú săn...), việc sống và tuân thủ theo hình thức cộng đồng là cách thức tối ưu để con người tồn tại và phát triển.

Tổ chức xã hội theo hình thức cộng đồng không chỉ giúp cư dân DTTS đối phó với các thế lực tự nhiên hay xã hội mà còn là cách thức quản lý rất hiệu quả: “Quản lý xã hội qua luật tục, quy ước là phương pháp quản lý truyền thống của các DTTS ở nước ta. Với những quy định, quy ước chung trong cộng đồng, tất cả các thành viên trong cộng đồng thực hiện các quy định, quy ước đó một cách tự giác và nghiêm túc với sự giám sát chặt chẽ của cả cộng đồng. Một trong những cách để đánh giá và duy trì sự giám sát là dư luận chung của cộng đồng. Bất kỳ sự sai phạm của thành viên nào trong cộng đồng cũng bị dư luận lên án và nghiêm khắc phán xét, kể cả những người có chức quyền, vốn có uy tín trong cộng đồng. Do vậy, tất cả người dân trong cộng đồng luôn tôn trọng và gìn giữ các quy định, quy ước và coi đó như là khuôn thước trong việc giáo dục, dạy dỗ con em trong gia đình, dòng họ thực hiện đúng phong tục tập quán của tộc người” (Trung, 2017).

Chính cuộc sống cộng đồng đã làm nảy sinh ý

thức cộng đồng, trong đó con người sẵn sàng sẻ chia, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Đây là cơ sở tạo nên những nét tính cách đặc trưng của người Việt: “Thương nhau chia củ sắn lùi – Bát cơm sẻ nửa, chân sui đắp cùng” (Thơ Tố Hữu), “Thương người như thể thương thân” (Ca dao), “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ” (Thành ngữ), “Ngân sèn tăng tôm nhà, tha nả tây liên kim” (tiền bạc coi như đất, cỏ; tình cảm con người còn quý hơn nghìn vàng - Tục ngữ Tày), “Một người đàn ông không dựng nổi nhà - Một người đàn bà không cắt nổi gianh” (Ca dao Mường)... Có thể nói, mặc dù mỗi dân tộc có những bản sắc văn hóa khác nhau, nhưng các dân tộc trên đất nước Việt Nam, trong những điều kiện sống khá tương đồng, đều có chung ý thức cộng đồng – cơ sở hình thành khối đại đoàn kết dân tộc.

Khi Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân cả nước đấu tranh giành độc lập dân tộc, công tác tuyên truyền, vận động nhân dân cả nước phát huy tinh thần đoàn kết đã luôn được chú trọng. Trong bức thư gửi “Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam” ngày 19/4/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng viết: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Êđê, Xê Đăng hay Ba Na và các DTTS khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt...”. Có thể nói, quan điểm đoàn kết dân tộc của Đảng kết hợp với truyền thống đấu tranh chống các thế lực ngoại xâm đã đẩy ý thức cộng đồng lên một tầm cao mới – ý thức dân tộc. Mỗi quan hệ giữa con người với xã hội cũng đã có sự phát triển vượt bậc, không chỉ là con người trong mối quan hệ với cộng đồng thôn/bản nhỏ hẹp, mà là quan hệ giữa cộng đồng này với cộng đồng khác, giữa nông thôn với thành thị, giữa miền ngược với miền xuôi, tạo nên sức mạnh mà không một thế lực nào có thể khuất phục.

Nếu như trong các mối quan hệ xã hội, đồng bào DTTS đã thể hiện giá trị cơ bản nhất là tính cộng đồng thì trong mối quan hệ với thiên nhiên, một giá trị khác lại được thể hiện nổi bật: tính bền vững. Từng sống giữa thiên nhiên hoang dã, nơi điều kiện thời tiết, khí hậu khắc nghiệt (Nước Sơn La, ma Hòa Bình), thú dữ đe dọa, rình rập, đồng bào các DTTS không lựa chọn cách đối đầu với tự nhiên, không tìm cách khuất phục, cai trị tự nhiên mà tìm cách dung hòa với tự nhiên, coi tự nhiên là bầu bạn. Tận dụng mọi nguồn lực của tự nhiên để phục vụ cho cuộc sống, nhưng đồng bào DTTS không quên bảo vệ các nguồn lực đó để đảm bảo lợi ích lâu dài. Một trong những ví dụ điển hình về mối quan hệ giữa đồng bào DTTS với tự nhiên là cách đồng bào bảo vệ rừng. Với các cộng đồng DTTS, rừng không chỉ là không gian sinh tồn mà còn là không gian văn hóa. Bởi vậy, rừng được thiêng hóa (rừng thiêng, rừng ma), được bảo vệ chặt chẽ thông qua luật tục. Rừng được quản lý thông qua luật tục cộng đồng và hệ thống niềm tin được thiêng hóa, có ý nghĩa lớn lao trong việc bảo vệ môi trường sống, cũng tức là bảo vệ rừng, bảo

vệ không gian văn hóa truyền thống.

Luật tục Êđê có đoạn:

“... Cây le đang đâm chồi thể mà họ chặt mất ngọn, cây lồ ô đang đâm chồi thể mà họ chặt mất đọt. Nếu người ta bắt được họ đem cho người tù trưởng nhà giàu thì chân họ tất phải trôi lại ngay, tay của họ tất phải xiềng lại ngay. Cả rừng le bị cháy khô, cả rừng lồ ô bị cháy trụi, hang thỏ, hang chồn đều bị thiêu trụi tất cả. Vì vậy có chuyện nghiêm trọng cần phải xét xử họ” (Bao Du lịch, 2009) .

Luật tục người Mường quy định về thu hái măng nói rõ:

“Bắt đầu từ khi các loại măng tre, bương, luồng, nứa,... mọc cho đến trước ngày 20 tháng 6 âm lịch hàng năm, bất luận là ai cũng không được bẻ măng trong rừng hay trong các gỗ bương tre,... trong vườn do chính tay mình trồng. Ai vi phạm dù là con trẻ hay người lớn (kể cả các gia đình thả rông gia súc vào rừng giẫm đạp làm đổ gãy măng) nếu bị phát hiện thì gia đình đó phải nộp phạt cho mường 1 con lợn cái (lợn nái đã đẻ)” (Thuy, 2010).

Nhìn từ phương diện khoa học, luật tục được xây dựng trước hết để bảo vệ các nguồn lợi từ thiên nhiên, đảm bảo cho cuộc sống ổn định lâu dài. Nhìn từ phương diện xã hội, cách đồng bào bảo vệ rừng, bảo vệ các loài muông thú vào mùa sinh sản, cách khai thác sản vật hạn chế để có thể tiếp tục khai thác vào mùa sau... dựa trên một nguyên tắc cơ bản mà cơ chế quản lý xã hội hiện tại thường bỏ qua: nguyên tắc phát triển bền vững. Điều đó cũng giúp chúng ta rút ra bài học: Chỉ khi nào đồng bào DTTS thực sự làm chủ và ý thức được vai trò làm chủ của mình đối với rừng, chỉ khi nào các thiết chế văn hóa truyền thống phát huy đầy đủ sức mạnh vốn có của nó thì việc khai thác rừng, khai thác tài nguyên thiên nhiên mới đảm bảo tính bền vững.

Sức mạnh văn hóa của đồng bào các DTTS là một phạm trù rất rộng, được biểu hiện phong phú trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống. Trong khuôn khổ hạn hẹp của một bài báo, người viết chỉ điếm qua một vài biểu hiện cụ thể dựa trên hai mối quan hệ cơ bản, có thể gợi ý, định hướng cho các chiến lược, chính sách phát triển bền vững vùng DTTS theo quan điểm, định hướng của Đảng.

#### 4.2. Sức mạnh nội sinh của văn hóa các dân tộc thiểu số

Sức mạnh nội sinh của văn hóa DTTS nói chung và văn hóa các dân tộc nói riêng không nằm ở các cá nhân mà nằm ở nhân tố trung tâm của văn hóa dân tộc: cộng đồng. Bởi vậy, muốn phát huy được nguồn sức mạnh này, cần coi cộng đồng là nhân tố trung tâm của các chiến lược, chính sách phát triển. Tiếng nói của cộng đồng cần được tôn trọng, thậm chí quyết định trong việc lựa chọn nội dung, cách

thức điều hành, tổ chức giám sát..., ít nhất là trong phạm vi của cộng đồng. Ví dụ: trong các chính sách phát triển kinh tế, cộng đồng quyết định lựa chọn loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội tại địa phương, trong các chính sách về quản lý di sản văn hóa, cộng đồng quyết định di sản nào cần được bảo tồn và cách thức bảo tồn như thế nào...

Do sự biến đổi của xã hội, đặc biệt là sự tác động của quá trình di dịch cư, có thể thấy các cộng đồng ngày nay đã không còn “thuần khiết” (chỉ bao gồm một thành phần dân tộc) như trước đây, thay vào đó là các cộng đồng mới với đa dạng các thành phần dân tộc. Vai trò của các nhân tố trong các thiết chế cộng đồng truyền thống cũng thay đổi cơ bản, trong đó vai trò của các già làng, trưởng bản... không còn được coi trọng như trước. Trong tình hình đó, không thể đặt vấn đề khôi phục các thiết chế truyền thống nguyên bản mà phải xác lập các cộng đồng văn hóa mới, trong đó có thể bao gồm nhiều thành phần dân tộc. Thay thế cho vai trò của các già làng, trưởng bản (phổ biến trong các cộng đồng DTTS ở Tây Bắc, Tây Nguyên trước đây) là lớp người có uy tín, có tiếng nói quan trọng trong cộng đồng.

Trên cơ sở đó, chúng tôi đề xuất một số giải pháp cấp thiết như sau:

- Giải pháp về nhận thức:

+ Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về văn hóa, về sức mạnh nội sinh của văn hóa các dân tộc. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức cần hiểu rõ giá trị, tiềm năng của văn hóa các dân tộc, sức mạnh của cộng đồng. Cần loại trừ tận gốc các tư tưởng kỳ thị, định kiến về đồng bào các dân tộc và có niềm tin rằng đồng bào có thể “nói được, làm được”.

+ Người dân là chủ thể văn hóa, chủ thể các hoạt động kinh tế, có nghĩa người dân là chủ thể phát triển. Trong các chiến lược, chính sách phát triển, người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng. Với vai trò chủ thể phát triển, người dân có quyền lựa chọn, đề xuất, quản lý, giám sát việc tổ chức thực hiện chính sách và thụ hưởng chính sách một cách chính đáng, minh bạch theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII (Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng). Chỉ người dân mới thực sự biết mình cần gì và điều đó cần được đáp ứng như thế nào.

+ Nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò, ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Chỉ khi nào người dân nhận thức đầy đủ về vai trò, ý thức trách nhiệm và cả năng lực của mình đối với sự nghiệp phát triển thị trường văn hóa - nguồn lực nội sinh mới có thể bộc lộ hết sức mạnh vốn có của nó. Cần khơi gợi niềm tự hào về truyền thống dân tộc, truyền thống văn hóa,

xóa tan tư tưởng tự ti, yếm thế, loại bỏ các tư tưởng tự kỳ thị, tự định kiến, tạo mọi điều kiện để nguồn lực văn hóa phát huy sức mạnh vốn có. Đó chính là khơi gợi, phát huy sức mạnh nội sinh của văn hóa làm cơ sở, nền tảng, động lực, nguồn lực cho sự phát triển.

- Giải pháp về chính sách

+ Cần thay đổi tư duy, cách thức xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách. Có hai kiểu tư duy cần thay đổi:

Thứ nhất, chính sách phải vận động theo hướng “từ dưới lên” thay vì “từ trên xuống” như hiện tại. Không để người dân đứng bên lề chính sách, coi trọng vai trò của các địa phương trong các chiến lược phát triển, các chương trình mục tiêu quốc gia.

Thứ hai, chính sách cần linh hoạt để có thể tận dụng thế mạnh từng vùng miền, địa phương, cộng đồng. Không nên xây dựng chính sách theo kiểu “một mô hình cho tất cả” (vì mô hình có thể phù hợp với địa phương này nhưng lại không phù hợp với địa phương khác). Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương chỉ nên xây dựng, ban hành chiến lược phát triển và khung chính sách chung. Việc cụ thể hóa nội dung chính sách sẽ do các địa phương, các cộng đồng thực hiện.

Phong trào Làng mới của Hàn Quốc (Anh, Minh, & Trang, 2016) những năm 70 của thế kỷ XX có thể cho chúng ta những bài học bổ ích về việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách sao cho có thể tận dụng tối đa mọi nguồn lực của địa phương, quan trọng nhất là có thể phát huy toàn diện các nguồn lực nội sinh – nguồn lực văn hóa của cộng đồng các DTTS. Sau khi Nhà nước ban hành chiến lược phát triển và khung chương trình, chính sách chung, khung chương trình, chính sách này được cụ thể hóa sao cho phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của từng địa phương và được phổ biến đến các cộng đồng. Các cộng đồng, qua tham vấn ý kiến của người dân, sẽ lựa chọn các mục tiêu ưu tiên cho từng giai đoạn, đề xuất phương án tổ chức thực hiện và giám sát, báo cáo lên cấp trên. Sau khi các nội dung chương trình, chính sách đã được lập đầy, Chính phủ mới ban hành chương trình chi tiết để các địa phương thực hiện.

Chương trình sẽ được triển khai từ cơ sở. Mọi nhân lực, vật lực chủ yếu do người dân đóng góp. Cộng đồng đóng vai trò tổ chức thực hiện. Vai trò chủ yếu của các cơ quan Nhà nước là hỗ trợ kỹ thuật và các nguồn lực khác trong điều kiện có thể, giám sát, đánh giá và điều hành, mở rộng quy mô và phạm vi theo từng giai đoạn của chương trình đã được hoạch định từ trước. Mô hình chính sách này đã thành công và được nhân rộng đến hàng trăm nước trên thế giới.

Việc áp dụng các bài học kinh nghiệm từ phong trào Làng mới của Hàn Quốc phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam hiện nay là vấn đề cần bàn

thêm, tuy nhiên đó có thể là những gợi ý bổ ích về xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách để có thể phát huy tối đa sức mạnh nội sinh – sức mạnh văn hóa của các DTTS trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

### 5. Thảo luận

Kể từ khi thành lập (năm 1930) đến nay, Đảng ta luôn chú trọng việc xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam hình thành trên cơ sở hòa hợp, kết tinh sức mạnh văn hóa của từng cộng đồng riêng biệt, chính là tiền đề của khối đại đoàn kết ấy và cũng là yếu tố quyết định giúp cho “một dân tộc nhỏ có thể đánh thắng hai đế quốc to” như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói. Nhờ có sức mạnh nội sinh của cả một nền văn hóa đó, dân tộc ta đã kiên cường đánh Pháp đuổi Nhật, giành độc lập tự do cho dân tộc, sau đó lại tiếp tục đánh đuổi thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, thống nhất đất nước, tiếp tục vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong bối cảnh hiện nay, việc Đảng và Nhà nước ta chủ động hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng để tận dụng các nguồn lực từ bên ngoài, đồng thời phát huy tối đa sức mạnh nội lực trong nước là chủ trương hoàn toàn đúng đắn và sáng suốt. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang đến rất nhiều cơ hội nhưng đồng thời cũng tạo ra vô vàn khó khăn, thách thức, nhất là trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh như hiện nay. Giao thương đình trệ, hàng trăm ngàn cơ sở sản xuất phải đóng cửa, người lao động mất việc làm, ngân sách nhà nước phải tập trung chủ yếu để phòng chống dịch bệnh, chăm lo sức khỏe cho nhân dân... Trong điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, vai trò và sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng càng trở nên có ý nghĩa hơn bao giờ hết.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII khẳng định: “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời

đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”. Đây là sự kế thừa tư tưởng của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ: phát huy tối đa mọi nguồn lực, trong đó có nguồn lực văn hóa – nguồn lực con người – nguồn lực nội sinh để phát triển đất nước.

Tuy nhiên, cùng là nguồn lực văn hóa nhưng ý nghĩa và giá trị trong thời kỳ chiến tranh và thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội có nhiều điểm khác biệt. Để có thể phát huy tối đa nguồn lực đó, trước hết cần nhận diện đầy đủ và chính xác các tầng bậc và ý nghĩa của văn hóa các dân tộc, từ đó có những giải pháp hiệu quả để khai thác nguồn lực này phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

### 6. Kết luận

Nghị quyết hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc khẳng định quan điểm: “Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, 2006). Mỗi cán bộ, công chức, viên chức đều phải có trách nhiệm chăm lo cho đời sống đồng bào các DTTS. Tuy nhiên, trong thực tiễn công tác dân tộc không thể duy ý chí hay áp đặt các tư tưởng chủ quan. Người làm công tác dân tộc, bên cạnh đạo đức phẩm chất, tài năng và tinh thần khát khao cống hiến còn phải hiểu sâu sắc về văn hóa đồng bào, sẵn sàng cảm thông, chia sẻ với những khó khăn, thách thức của đồng bào. Trên hết, phải hiểu rõ giá trị và sức mạnh của văn hóa, khơi gợi và phát huy “sức mạnh nội sinh” vô tận đó vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

### Tài liệu tham khảo

Anh, N. T., Minh, P. Q., & Trang, L. T. M. (2016). Phong trào Lang moi ở Hán Quốc và chương trình Nông thôn mới ở Việt Nam. *Tap chi Khoa hoc Xa hoi va Nhan van*, 2(1b), tr.16-25.

Bao Du lịch. (9/1/2009). Can biet bi quan cho van hoa Tay Nguyen. *Tap chi Moi trong Du lich Viet Nam*. <https://moitruongdulich.vn/index.php/item/1541>.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX. (2006). *Nghị quyết về Công tác dân tộc*. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy, ngày 4/8/2006.

Bon, N. Van. (2020). Phát triển du lịch văn hóa thanh ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam. Công thông tin điện tử của trường Đại học Khanh Hoa. <http://ukh.edu.vn/>

Chuan, N. T. (4/9/2021). Vai tro cua nguon luc van hoa voi qua trinh phat trien kinh te-xa hoi. *Tap chi Cong san*.

Hoa, N. T. (5/10/2020). Chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa tại Việt Nam. *Tap chi Con so va Su kien*.

HP. (11/9/2021). Phát huy lợi thế, tiềm năng của đồng bào dân tộc thiểu số. *Bao dien tu Dang Cong san Viet Nam*.

Giao, H. N. K., & Anh, H. D. T. (2018). Ban sac van hoa vung dan toc thieu so gan voi phat trien du lich ben vung o Viet Nam thoi ky hoi nhap. *Hoi thao Thuc trang va tac dong cua cac yeu to an ninh phi truyền thông vung dan toc thieu so o Viet Nam thoi ky doi moi*. Hội thảo do Tap chi Cong san va Trường Đại học Cần Thơ phối hợp tổ chức, ngày 21/3/2018

Quốc hội. (2019). *Phe duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*. Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019.

Thien, N. N. (11/01/2021). Nguồn lực văn hóa cho phát triển đất nước hiện nay. *Tạp chí Công san*.

Thuy, T. T. (06/01/2010). Luật tục trong đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số nhưng giá trị cần bảo tồn, phát huy và những hư tục cần loại bỏ. *Tạp chí Dân tộc*.

Trung, T. (2017). *Anh hưởng của phong tục tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc đến hiệu quả xây dựng Nông thôn mới* (Chu biên). Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Su that.

## PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN CƠ SỞ PHÁT HUY SỨC MẠNH NỘI SINH CỦA VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

Giang Khắc Bình

Học viện Dân tộc  
Email: [binhkg@hvd.edu.vn](mailto:binhkg@hvd.edu.vn)

Ngày nhận bài: 03/10/2021  
Ngày phản biện: 16/10/2021  
Ngày tác giả sửa: 27/10/2021  
Ngày duyệt đăng: 19/11/2021  
Ngày phát hành: 30/11/2021

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/612>

Trong quá trình phát triển đất nước, Đảng ta luôn coi trọng phát triển văn hóa, khai thác giá trị, tiềm năng của văn hóa để phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Một trong những mục tiêu quan trọng được Đảng ta đặt ra là xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học; xây dựng văn hóa trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 đã nhấn mạnh: “Các chính sách phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phải toàn diện, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và phát huy lợi thế, tiềm năng của vùng và tinh thần tự lực của đồng bào dân tộc thiểu số” (Quốc hội, 2019). “Lợi thế, tiềm năng” ở đây không chỉ là những tài nguyên, khoáng sản mà trên hết là nguồn lực văn hóa, nguồn lực con người, là sức mạnh nội sinh to lớn của văn hóa dân tộc thiểu số mà cho đến nay vẫn chưa được khai thác hiệu quả.

**Từ khóa:** Nguồn lực nội sinh; Phát triển bền vững; Văn hóa dân tộc thiểu số; Vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Phát triển kinh tế-xã hội.